

Ngành Điện

Báo cáo cập nhật

Tháng 4, 2026

Khuyến nghị **OUTPERFORM**

Giá kỳ vọng (VNĐ/CP) **15.300**

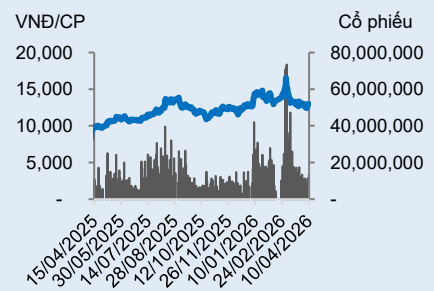
Giá thị trường (10/4/2026) **13.000**

Lợi nhuận kỳ vọng **+17,7%**

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8.207-16.550
Vốn hóa	39.882 tỷ đồng
SL cổ phiếu lưu hành	3.067.845.688
KLGD bình quân 10 ngày	10.282.366
% sở hữu nước ngoài	2,81%
Room nước ngoài	50%
Giá trị cổ tức/cổ phần	N/a
Tỷ lệ cổ tức/thị giá	N/a
Beta	0,94

BIẾN ĐỘNG GIÁ



	YTD	1T	3T	6T
POW	2,8%	-1,5%	-8,1%	9,6%
VNIndex	-2,1%	3,4%	-6,8%	-1,0%

Chuyên viên phân tích
Trần Tuấn Dương, CFA
(84 24) 3928 8080 ext. 203
duongtt@bvsc.com.vn

TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Mã giao dịch: POW

Reuters: POW.HM

Bloomberg: POW VN Equity

Doanh nghiệp phát điện hàng đầu Việt Nam

Công bố KQKD 2025. Năm 2025, POW ghi nhận doanh thu **34.306 tỷ đồng (+13% y/y)** và LNST sau CĐTS **2.427 tỷ đồng (+118% y/y)** – hoàn thành 685% kế hoạch lợi nhuận năm được ĐHCĐ giao. Sản lượng điện toàn công ty đạt 18.599 triệu kWh (+16% y/y).

Nhà máy điện khí LNG đầu tiên của Việt Nam chính thức vận hành thương mại. Nhà máy NT3 và NT4 đã vận hành thương mại trong cuối năm 2025 và được cấp phép tham gia thị trường điện từ ngày 01/01/2026, từ đó chính thức đóng góp vào KQKD của POW từ năm 2026. Theo hợp đồng PPA ký với EPTC, sản lượng hợp đồng (Qc) được giao đạt tối thiểu 65% trong 10 năm đầu vận hành, tương đương gần 6 tỷ kWh/năm. Riêng nửa đầu năm 2026, sản lượng Qc được phân bổ ở mức hơn 3,1 tỷ kWh. KQKD trong ngắn hạn (năm 2026) của nhà máy dự báo sẽ ở mức tích cực nhờ cơ chế hợp đồng CfD.

Lợi nhuận của NT2 trở về mặt bằng cao sau giai đoạn khó khăn 2023–2024. NT2 được đảm bảo nguồn nhiên liệu ổn định, đồng thời có chi phí thấp hơn đáng kể so với LNG nhập khẩu, từ đó giúp cải thiện sản lượng điện Qc và sản lượng điện phát. Bên cạnh đó, NT2 đã hoàn tất khâu hao hạng mục máy móc thiết bị từ tháng 10/2025, qua đó giảm chi phí khấu hao khoảng 400 tỷ đồng mỗi năm kể từ 2026 – tạo dư địa cải thiện lợi nhuận trong trung hạn.

Dự báo KQKD 2026. BVSC dự báo doanh thu thuần và LNST sau CĐTS của POW lần lượt ghi nhận mức **48.669 tỷ đồng (+42% y/y)** và **3.060 tỷ đồng (+26% y/y)**. Sản lượng điện thương phẩm ước đạt **21.351 triệu kWh (+15% y/y)**. Sản lượng hợp đồng Qc của các nhà máy được giao ở mức cao, đặc biệt là từ nhà máy NT2, NT3 và NT4, sẽ hỗ trợ rất lớn cho đà tăng trưởng KQKD của POW trong năm nay. Ước tính của BVSC cho LNST hợp nhất trước CĐTS Q1.2026 cho POW là **931 tỷ đồng (+97% y/y)**.

Khuyến nghị đầu tư. Chúng tôi đánh giá cao POW nhờ vị thế là một trong những doanh nghiệp phát điện hàng đầu Việt Nam. Trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ điện dự báo tăng trưởng trên 10%/năm từ nay đến 2030, POW là nhà phát điện có quy mô công suất đứng thứ 5 toàn quốc sẽ hưởng lợi đáng kể. Đồng thời, kế hoạch triển khai các dự án mới như LNG Quảng Ninh và mở rộng Cà Mau 1&2 sẽ tiếp tục củng cố động lực tăng trưởng trung và dài hạn. Ở mức giá hiện tại, POW đang giao dịch tại P/E forward 2026 khoảng 11,8x, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình 5 năm là 20,1x, phản ánh mức định giá hấp dẫn so với vị thế đầu ngành của công ty. Từ những luận điểm trên, chúng tôi khuyến nghị **OUTPERFORM** cho POW với giá mục tiêu **15.300 đồng/cp**, tiềm năng tăng giá là 17,7%.

Nhìn lại KQKD năm 2025

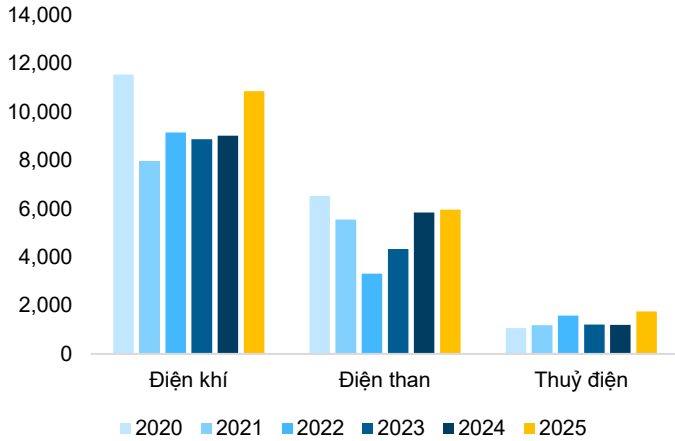
Năm 2025, POW ghi nhận doanh thu **34.306 tỷ đồng (+13% y/y)** và LNST sau CĐTS **2.427 tỷ đồng (+118% y/y)** – hoàn thành 685% kế hoạch lợi nhuận năm được ĐHCĐ giao. Sản lượng điện toàn công ty đạt 18.599 triệu kWh (+16% y/y). Cụ thể:

- Sản lượng điện khí tăng 20% y/y, đạt 10.869 triệu kWh. Sản lượng điện phát từ cụm nhà máy NT1-NT2 tăng trưởng tích cực nhờ đảm bảo được nguồn cung khí sau khi một số nhà máy Phú Mỹ hết hợp đồng bao tiêu khí với GAS. Ngoài ra, POW đã đưa NT3-NT4 vào chạy thử nghiệm tin cậy với tổng sản lượng điện đạt 1.145 triệu kWh.
- Sản lượng thủy điện và năng lượng tái tạo đạt 1.757 triệu kWh – tăng trưởng mạnh mẽ 46% y/y nhờ tình hình thủy văn tích cực.
- Sản lượng điện than duy trì ổn định, đạt 5.973 triệu kWh (+2% y/y).
- Lợi nhuận gộp tăng trưởng 124% y/y, đạt 4.479 tỷ đồng – là yếu tố chính hỗ trợ tăng trưởng KQKD của POW trong năm 2025. Điều này đạt được là do sản lượng hợp đồng phân bổ Qc cho các nhà máy của POW ở mức rất cao, đạt 17.139 triệu kWh (+38% y/y); đồng thời một số nhà máy nhận được khoản doanh thu bất thường từ bồi thường chênh lệch tỷ giá và phí môi trường rừng như NT1, NT2.

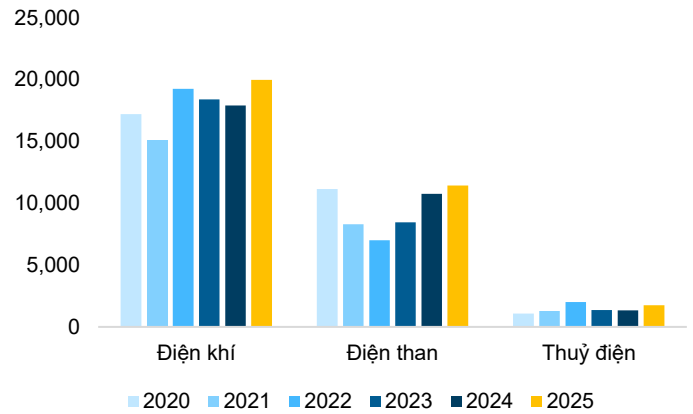
Đơn vị: tỷ đồng	2024	2025	% y/y	Ghi chú
Doanh thu thuần	30.306	34.306	13,2%	
- Sản lượng điện thương phẩm (triệu kWh)	16.077	18.599	15,7%	
Lợi nhuận gộp	1.998	4.479	124,2%	- Biên lợi nhuận mở rộng nhờ: (1) ghi nhận một vài khoản doanh thu bất thường tại NT1, NT2; và (2) sản lượng hợp đồng Qc được giao ở mức cao.
Doanh thu tài chính	566	1.032	82,2%	- Lãi tiền gửi tăng do dư nợ tiền gửi và các khoản đầu tư tài chính tăng.
Chi phí tài chính	845	1.034	22,2%	- Chi phí lãi vay và chênh lệch tỷ giá tăng mạnh do gia tăng khoản nợ ngoại tệ để đầu tư xây dựng nhà máy mới.
Chi phí bán hàng và QLDN	878	1.247	42,1%	
Lợi nhuận từ CT liên doanh, liên kết	42	5	-88,6%	
Thu nhập khác (ròng)	500	0	-100,0%	- POW ghi nhận doanh thu từ bồi thường bảo hiểm tại nhà máy nhiệt điện Vũng Áng trong năm 2024.
LNTT	1.383	3.234	133,8%	
LNST-CĐTS	1.112	2.427	118,3%	

Nguồn: Dữ liệu công ty, BVSC ước tính và tổng hợp

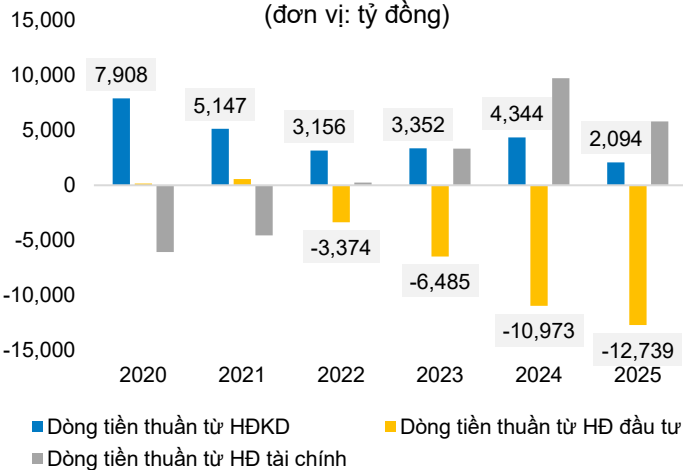
Sản lượng điện cao nhất kể từ 2021 - nay
(đơn vị: triệu kWh)



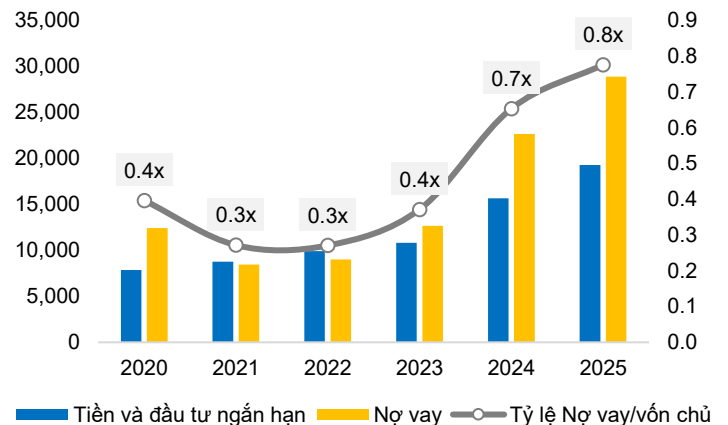
Doanh thu các loại hình phát điện của POW qua từng năm
(đơn vị: tỷ đồng)



Dòng tiền từ HĐKD rất khỏe, dòng tiền đầu tư âm lớn khi triển khai dự án NT3-NT4
(đơn vị: tỷ đồng)



Tỷ lệ đòn bẩy gia tăng, nhưng vẫn được giữ ở mức an toàn
(đơn vị: tỷ đồng)



Nguồn: Dữ liệu công ty, BVSC ước tính và tổng hợp

Nhà máy điện khí LNG đầu tiên của Việt Nam chính thức vận hành thương mại

Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 (NT3-NT4) là nhà máy nhiệt điện khí đầu tiên ở Việt Nam sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên hoá lỏng (LNG) nhập khẩu, mang ý nghĩa tiên phong trong lộ trình chuyển dịch năng lượng, góp phần giảm phát thải khí nhà kính và hiện thực hóa cam kết phát thải ròng bằng “0” (Net Zero) vào năm 2050 của Việt Nam. Với tổng vốn đầu tư khoảng 1,4 tỷ USD, công suất thiết kế 1.624 MW và điện lượng trung bình khoảng 9 tỷ kWh/năm, NT3-NT4 là nguồn điện nền quy mô lớn, giữ vai trò quan trọng trong đảm bảo cung ứng điện cho hệ thống, đặc biệt tại khu vực miền Nam. Đồng thời, nhờ đặc tính vận hành linh hoạt, các nhà máy này còn hỗ trợ hiệu quả cho công tác điều độ và cân bằng hệ thống trong bối cảnh tỷ trọng năng lượng tái tạo ngày càng gia tăng.

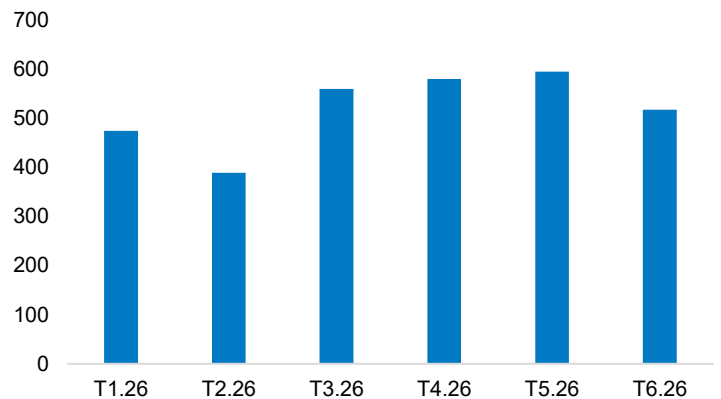
Trong năm 2025, POW hoàn tất chạy thử nghiệm độ tin cậy cho hai nhà máy NT3 và NT4, với tổng sản lượng đạt 1.145 triệu kWh. Song song, POW cùng các bên liên quan như GAS, EVNNPT và EPTC đã cơ bản hoàn tất các hạng mục then chốt, bao gồm đấu nối giải tỏa công suất, ký kết hợp

đồng mua bán điện (PPA) và hợp đồng cung cấp khí dài hạn (GSA). Nhà máy NT3 và NT4 lần lượt đi vào vận hành thương mại trong tháng 11 và tháng 12/2025, được cấp phép tham gia thị trường điện từ ngày 01/01/2026, từ đó chính thức đóng góp vào KQKD của POW từ năm 2026 trở đi.

Theo hợp đồng PPA ký với EPTC, sản lượng hợp đồng (Qc) được giao đạt tối thiểu 65% trong 10 năm đầu vận hành, tương đương gần 6 tỷ kWh/năm. Riêng nửa đầu năm 2026, sản lượng Qc được phân bổ ở mức hơn 3,1 tỷ kWh. Tuy nhiên, giá LNG đang trong xu hướng tăng mạnh – đặc biệt sau căng thẳng Mỹ – Iran, khiến chi phí nhiên liệu ở mức cao, làm suy giảm khả năng cạnh tranh của nhà máy trên thị trường điện. Do đó, sản lượng điện thực phát dự kiến thấp hơn so với sản lượng Qc được giao, và xu hướng này nhiều khả năng sẽ kéo dài trong năm 2026. Thực tế, trong 2 tháng đầu năm, NT3–NT4 chỉ phát khoảng 609 triệu kWh, thấp hơn mức sản lượng hợp đồng được giao Qc là 863 triệu kWh. Dù vậy, theo cơ chế hợp đồng sai khác (CfD), nhà máy vẫn được ghi nhận phần doanh thu tương ứng với sản lượng Qc chưa phát, trong khi không phát sinh chi phí nhiên liệu. Nhờ đó, KQKD trong ngắn hạn (năm 2026) dự báo sẽ ở mức tích cực.



NT3-NT4 được giao sản lượng Qc hơn 3,1 tỷ kWh trong 6 tháng đầu 2026
(đơn vị: triệu kWh)



Nguồn: Dữ liệu công ty, BVSC ước tính và tổng hợp

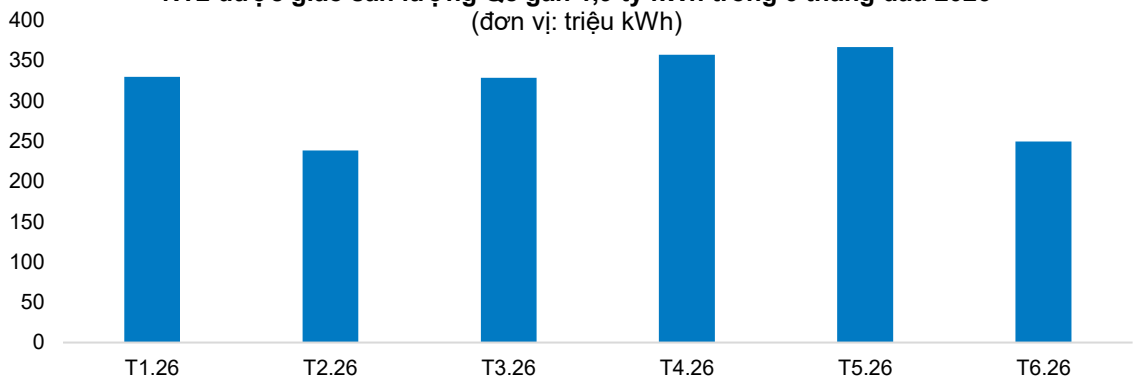
Lợi nhuận của NT2 trở về mặt bằng cao sau giai đoạn khó khăn 2023–2024

Giai đoạn 2023–2024, sản lượng điện của cụm nhà máy điện khí Nhơn Trạch, đặc biệt là NT2, sụt giảm mạnh do nguồn cung khí tại khu vực Đông Nam Bộ suy yếu, chỉ đáp ứng khoảng 50% nhu cầu các nhà máy trong khu vực. Đồng thời, các nhà máy BOT Phú Mỹ 3 và Phú Mỹ 2.2 bước vào giai đoạn cuối hợp đồng BOT và hợp đồng bao tiêu khí, khiến GAS và EVN ưu tiên cấp khí và huy động sản lượng cho các nhà máy này. Hệ quả là KQKD của NT2 bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Sản lượng điện phát từ NT2 trong 2023–2024 chỉ đạt khoảng 2,7–2,9 tỷ kWh – thấp hơn đáng kể so với mức trung bình 4,5 tỷ kWh trong giai đoạn 2014–2022. Ngoài ra, do đặc thù chi phí cố định lớn, trong khi không phát sinh doanh thu phát điện khiến lợi nhuận bị bào mòn, LNST năm 2024 chỉ đạt 83 tỷ đồng – mức thấp nhất kể từ 2014 trở lại đây.

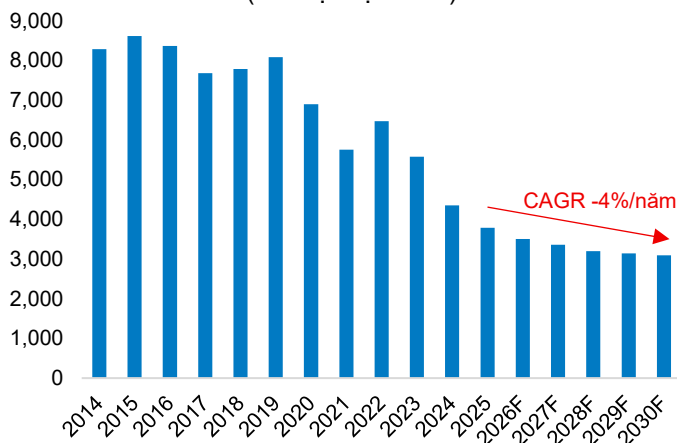
Do 2 nhà máy BOT trên đã hết thời hạn hợp đồng, hiện tại, trong cụm nhiệt điện khí Đông Nam Bộ, NT2 là nhà máy duy nhất còn hợp đồng bao tiêu khí với GAS, với khối lượng khoảng 784 triệu Sm³/năm, tương đương gần 4 tỷ kWh điện. Việc duy trì hợp đồng này giúp NT2 đảm bảo nguồn nhiên liệu ổn định, đồng thời có chi phí thấp hơn đáng kể so với LNG nhập khẩu. Đây là lợi thế quan trọng, giúp nhà máy gia tăng khả năng được huy động và cải thiện KQKD trong các năm tới. Thực tế, năm 2025 ghi nhận sự phục hồi rõ nét khi sản lượng điện đạt hơn 3,1 tỷ kWh (+14% y/y), doanh thu gần 8.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 1.130 tỷ đồng, gấp 14 lần so với năm 2024. Bên cạnh đó, NT2 đã hoàn tất khấu hao hạng mục máy móc thiết bị từ tháng 10/2025, qua đó giảm chi phí khấu hao khoảng 400 tỷ đồng mỗi năm kể từ 2026 – tạo dư địa cải thiện lợi nhuận trong trung hạn.

Năm 2026, chúng tôi dự báo sản lượng điện phát của NT2 đạt **3,5 tỷ kWh (+13% y/y)**, đem về doanh thu **8.662 tỷ đồng (+9% y/y)** và LNST **1.134 tỷ đồng (+0,3% y/y)**. Lợi nhuận năm đi ngang so với năm 2025 mặc dù chi phí khấu hao giảm mạnh, là do trong năm 2025 công ty ghi nhận một số khoản doanh thu từ bồi thường chênh lệch tỷ giá, phí môi trường rừng, đồng thời hoàn nhập một số khoản trích lập dự phòng trước đây. Tuy nhiên, đây là mức lợi nhuận rất cao của công ty trong 10 vừa qua, và kỳ vọng sẽ được duy trì ổn định ở mặt bằng này trong các năm tới.

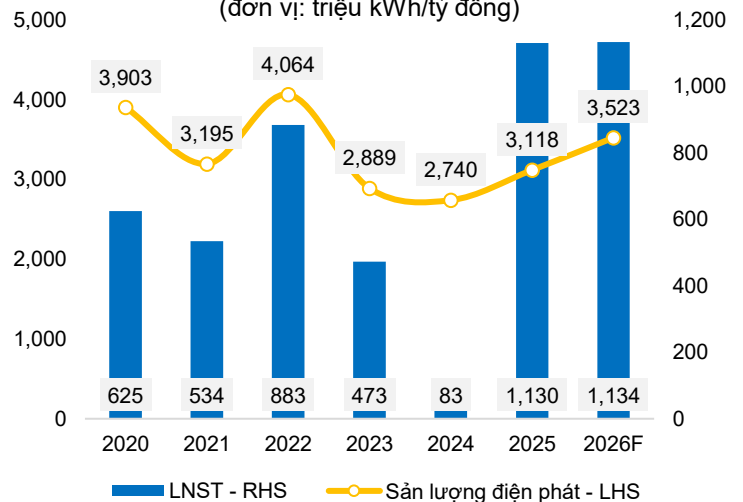
NT2 được giao sản lượng Qc gần 1,9 tỷ kWh trong 6 tháng đầu 2026
(đơn vị: triệu kWh)



Khả năng cấp khí khu vực Đông Nam Bộ suy giảm khoảng 4%/năm từ nay đến 2030
(đơn vị: triệu Sm³)



Dự báo KQKD của NT2
(đơn vị: triệu kWh/tỷ đồng)



Nguồn: Dữ liệu công ty, BVSC ước tính

Cập nhật một số thông tin khác

Khả năng cung ứng nhiên liệu cho các nhà máy

Tại nhà máy Cà Mau 1&2: Nguồn khí Tây Nam Bộ ngày càng suy giảm. Năm 2026, GAS dự kiến cấp khí cho nhà máy khoảng 1,17 tỷ Sm³. Ngoài ra, năm 2026 cũng là năm cuối trong việc thu hồi lượng khí trả trước phát sinh từ năm 2021 của nhà máy (khoảng 120 triệu Sm³). Nhà máy gặp khó khăn trong việc lượng khí cấp và nhu cầu của hệ thống điện có sự chênh lệch về lưu lượng và phụ tải hệ thống trong một số thời điểm (theo mùa mưa/mùa khô hoặc giờ cao điểm/thấp điểm). Trong giai đoạn từ sau năm 2027, POW và GAS đã ký hợp đồng để nhận khí từ mỏ Nam Du – U Minh (khoảng 0,7 tỷ Sm³/năm), đang đàm phán hợp đồng tại mỏ Khánh Mỹ - Đầm Dơi và Hoa Mai (khoảng 0,4 tỷ Sm³/năm).

Tại nhà máy Vũng Áng 1: nguồn cung than được đảm bảo cho nhà máy phát điện ổn định. Khối lượng than giao nhận năm 2025 đạt gần 2,8 triệu tấn; kế hoạch giao nhận tổng năm 2026 là 3 triệu tấn.

Kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện (NMD) năm 2025

- Đại tu: NMD Cà Mau 1, tổ máy H2 NMD Nậm Nơn.
- Trung tu: NMD Vũng Áng 1.
- Tiểu tu: NMD Cà Mau 2, Nhơn Trạch 1, Hũa Na, Đắc Đĩnh, tổ máy H1 NMD Nậm Nơn.
- Bảo dưỡng định kỳ NMD Nhơn Trạch 3, 4 tại mốc 4.000 và 8.000 FFH.

Sơ bộ KQKD 2T.2026:

Theo thông cáo nhà đầu tư tháng 02/2026, POW công bố tổng doanh thu đạt mức **7.094 tỷ đồng (+55% y/y)**, sản lượng điện phát đạt **3.489 triệu kWh (+43% y/y)** – đóng góp tích cực chủ yếu đến từ nhóm nhiệt điện khí. BVSC đưa ra ước tính LNST hợp nhất trước CĐTS của POW Q1.2026 là **931 tỷ đồng (+97% y/y)**.

Nhà máy (2T.2026)	Sản lượng điện (tr.kWh)	y/y (%)	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	y/y (%)
Cà Mau 1&2	856	-6%	1.395	-19%
Nhơn Trạch 1	186	565%	2.383	2408%
Nhơn Trạch 2	574	94%	1.282	88%
Nhơn Trạch 3&4	520	-	-	-
Hũa Na & Nậm Nơn	126	46%	160	31%
Đắc Đĩnh	118	-9%	113	-19%
Vũng Áng 1	1.108	12%	1.753	-4%
NLTT ĐLĐK	1	-43%	8	110%
Tổng cộng	12.695	43%	7.094	55%

*Kết quả kinh doanh NT1, NT3 và NT4 sẽ được hợp nhất vào CT Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch

Nguồn: Dữ liệu công ty, BVSC ước tính

Dự báo KQKD 2026

Năm 2026, BVSC dự báo doanh thu thuần và LNST sau CĐTS của POW lần lượt ghi nhận mức **48.669 tỷ đồng (+42% y/y)** và **3.060 tỷ đồng (+26% y/y)**. Sản lượng điện thương phẩm ước đạt **21.351 triệu kWh (+15% y/y)**. Sản lượng hợp đồng Qc của các nhà máy được giao ở mức cao, đặc biệt là từ nhà máy NT2, NT3 và NT4, sẽ hỗ trợ rất lớn cho đà tăng trưởng KQKD của POW trong năm nay.

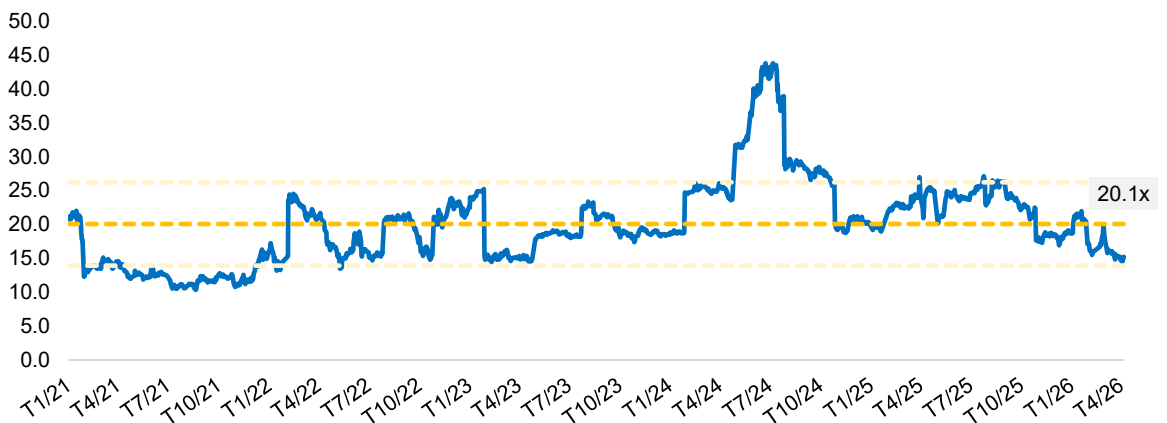
Đơn vị: tỷ đồng	2024	2025	2026F	2025 y/y	2026 y/y
Doanh thu thuần	30.306	34.306	48.669	13,2%	41,9%
- Sản lượng điện thương phẩm	16.077	18.599	21.351	15,7%	14,8%
Lợi nhuận gộp	1.998	4.479	6.282	124,2%	40,3%
Doanh thu tài chính	566	1.032	1.008	82,2%	-2,3%
Chi phí tài chính	845	1.034	1.641	22,2%	58,8%
Chi phí bán hàng và quản lý DN	878	1.247	1.596	42,1%	28,0%
Thu nhập từ Công ty LDLC	42	5	29	-88,6%	503,0%
Thu nhập khác (ròng)	500	0	0	-100,0%	5,0%
LNTT	1.383	3.234	4.081	133,8%	26,2%
Lợi nhuận ròng sau CĐTS	1.112	2.427	3.060	118,3%	26,1%
BLN gộp	6,6%	13,1%	12,9%		
BLN ròng	3,7%	7,1%	6,3%		
EPS (đồng/cp)	475	871	1.098		

Nguồn: Dữ liệu công ty, BVSC ước tính

Lịch sử định giá

Trong 5 năm qua, POW giao dịch ở mức P/E trung bình là 20,1x. Tính đến ngày 10/4/2026, theo dự báo của chúng tôi, POW đang giao dịch tại P/E forward 2026 là 11,8x.

Lịch sử định giá P/E của PC1 trong 5 năm qua



Khuyến nghị đầu tư

BVSC cập nhật giá mục tiêu cho POW là **15.300 đồng/cp**, giảm 6% so với mức giá trong báo cáo chiến lược năm 2026, chủ yếu do tác động pha loãng từ việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu. Tuy nhiên, yếu tố này phần lớn được bù đắp bởi triển vọng kết quả kinh doanh giai đoạn 2026–2030 tích cực hơn kỳ vọng trước, đặc biệt nhờ đóng góp từ cụm nhà máy NT3–NT4. Chúng tôi đánh giá cao POW nhờ vị thế là một trong những doanh nghiệp phát điện hàng đầu Việt Nam. Trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ điện dự báo tăng trưởng trên 10%/năm từ nay đến 2030, POW là nhà phát điện có quy mô công suất đứng thứ 5 toàn quốc sẽ hưởng lợi đáng kể. Đồng thời, kế hoạch triển khai các dự án mới như LNG Quảng Ninh và mở rộng Cà Mau 1&2 sẽ tiếp tục củng cố động lực tăng trưởng trung và dài hạn. Ở mức giá hiện tại, POW đang giao dịch tại P/E forward 2026 khoảng 11,8x, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình 5 năm là 20,1x, phản ánh mức định giá hấp dẫn so với vị thế đầu ngành của công ty. Từ những luận điểm trên, chúng tôi khuyến nghị **OUTPERFORM** cho POW, tiềm năng tăng giá là 17,7%.

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH DỰ BÁO

Kết quả kinh doanh				
(Đơn vị: tỷ VNĐ)	2023	2024	2025	2026F
Doanh thu thuần	28.329	30.306	34.306	48.669
Giá vốn	25.625	28.308	29.828	42.387
Lợi nhuận gộp	2.704	1.998	4.479	6.282
Doanh thu tài chính	544	566	1.032	1.008
Chi phí tài chính	730	845	1.034	1.641
Lợi nhuận sau thuế sau CĐTS	1.038	1.112	2.427	3.060

Bảng cân đối kế toán				
(Đơn vị: tỷ VNĐ)	2023	2024	2025	2026F
Tiền, tương đương tiền & đầu tư ngắn hạn	10.831	15.676	19.269	20.958
Khoản phải thu ngắn hạn	14.560	11.873	14.578	20.684
Hàng tồn kho	2.167	1.795	2.174	3.121
Tài sản cố định hữu hình	26.362	24.270	45.737	43.473
Đầu tư tài chính dài hạn	960	766	848	848
Tổng tài sản	70.362	79.915	88.612	93.864
Nợ vay ngắn hạn	5.507	13.508	11.250	10.250
Nợ vay dài hạn	7.172	9.151	17.637	17.037
Vốn chủ sở hữu	34.119	34.681	37.216	40.450
Tổng nguồn vốn	70.362	79.915	88.612	93.864

Chỉ số tài chính				
Chỉ tiêu	2023	2024	2025	2026F
Chỉ tiêu tăng trưởng				
Tăng trưởng doanh thu	0,4%	7,0%	13,2%	41,9%
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	-49,6%	7,1%	118,3%	26,1%
Chỉ tiêu sinh lời				
Lợi nhuận gộp biên	9,5%	6,6%	13,1%	12,9%
Lợi nhuận thuần biên	3,7%	3,7%	7,1%	6,3%
ROA	1,6%	1,5%	2,9%	3,4%
ROE	3,1%	3,2%	6,8%	7,9%
Chỉ tiêu cơ cấu vốn				
Nợ vay/Tổng tài sản	18,0%	28,4%	32,6%	29,1%
Nợ vay/Tổng vốn chủ sở hữu	37,2%	65,3%	77,6%	67,5%
Chỉ tiêu trên mỗi cổ phần				
EPS (đồng/cổ phần)	443	475	871	1.098
Giá trị sổ sách (đồng/cổ phần)	11.122	11.305	12.131	13.185

TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM

Tôi, chuyên viên **Trần Tuấn Dương** xin khẳng định hoàn toàn trung thực và không có động cơ cá nhân khi thực hiện báo cáo này. Báo cáo được hoàn thành trên cơ sở khách quan độc lập. Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo này được thu thập từ những nguồn tin cậy. Tuy nhiên, **tôi** không đảm bảo tính đầy đủ cũng như không kiểm chứng được hết những thông tin nêu trên. Các quan điểm, nhận định trong báo cáo này chỉ là quan điểm khách quan của cá nhân **tôi** mà không hàm ý chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo phân tích này như một nguồn tham khảo. **Cá nhân tôi** cũng như **Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt** sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư về những tổn thất có thể xảy ra, thua lỗ khi đầu tư. **Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt** và **tôi** cũng không chịu bất kỳ trách nhiệm về những thông tin chưa chính xác về doanh nghiệp.

Báo cáo này là một phần tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt, tất cả những hành vi sao chép, trích dẫn một phần hay toàn bộ báo cáo này phải được sự đồng ý của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

Hệ thống nhận định của BVSC được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu hiện tại so với giá mục tiêu, xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại)/giá hiện tại. Trừ khi có nhận định khác, những nhận định đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng.

Các nhận định

Định nghĩa

OUTPERFORM

Tổng lợi nhuận nắm giữ cổ phiếu kỳ vọng trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên +15%

NEUTRAL

Tổng lợi nhuận nắm giữ cổ phiếu kỳ vọng trong 12 tháng tới dự báo sẽ từ -15% đến +15%

UNDERPERFORM

Tổng lợi nhuận nắm giữ cổ phiếu kỳ vọng trong 12 tháng tới dự báo sẽ dưới -15%

LIÊN HỆ

Khối Phân tích và Tư vấn đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Phạm Tiến Dũng

Giám đốc khối
dungpt@bvsc.com.vn

Lưu Văn Lương

Phó Giám đốc khối
luonglv@bvsc.com.vn

Nguyễn Chí Hồng Ngọc

Phó Giám đốc khối
ngocnch@bvsc.com.vn

Nguyễn Đức Hoàng, CFA

Ngân hàng, Bảo hiểm
hoangnd@bvsc.com.vn

Trương Sỹ Phú, CFA

Hàng tiêu dùng, CNTT
phuts@bvsc.com.vn

Trần Xuân Bách

Phân tích kỹ thuật
bachtx@bvsc.com.vn

Trần Phương Thảo

Bất động sản, Khu công nghiệp
thaotp@bvsc.com.vn

Tôn Nữ Nhật Minh, ACCA

Dược phẩm, Hóa chất cơ bản, Thép
minhtnn@bvsc.com.vn

Hoàng Thị Minh Huyền

Chuyên viên vĩ mô
huyenhtm@bvsc.com.vn

Nguyễn Hà Minh Anh

Nông nghiệp, Hàng tiêu dùng
anhnhm@bvsc.com.vn

Nguyễn Viết Dân

Cảng biển, Vận tải biển
dannv@bvsc.com.vn

Nguyễn Hồng Hoa

Chiến lược thị trường
hoanh@bvsc.com.vn

Trần Tuấn Dương, CFA

Năng lượng, Chứng khoán, Xây dựng
duongtt@bvsc.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng, CFA

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng
dunglnt@bvsc.com.vn

Nguyễn Đăng Thành

Dầu khí, Hàng không
thanhnd@bvsc.com.vn

Nguyễn Minh Khôi

Vật liệu xây dựng
khoimn@bvsc.com.vn



Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Trụ sở chính:

- 08 Lê Thái Tổ, P. Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Tel: (84 24) 3 928 8080

Chi nhánh:

- Tầng 8, 233 Đồng Khởi, P. Sài Gòn, Tp. HCM
- Tel: (84 28) 3 914 6888